MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

RELATIONSHIP BETWEEN INSURANCE MARKET DEVELOPMENT AND ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM

Hồ Thủy Tiên, Phạm Thanh Truyền, Hồ Thu Hoài[1]

Ngày nhận bài: 02/7/2019 Ngày chấp nhận đăng: 21/8/2019 Ngày đăng: 05/02/2020

Tóm tắt

Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định mối quan hệ giữa phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1996-2017. Bằng cách sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy – ARDL, kết quả nghiên cứu tìm thấy tác động tích cực của phát triển thị trường bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn. Kết quả này ủng hộ trường phái Supply-leading (SLH). Bên cạnh đó, mức độ và tốc độ tác động của phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đến tăng trưởng kinh tế có sự khác biệt. Cụ thể thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có tác động nhiều hơn đối với tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên, sự thay đổi trong thị trường bảo hiểm nhân thọ lại có tác động đến tăng trưởng kinh tế nhanh hơn so với bảo hiểm phi nhân thọ trong dài hạn.

Từ khóa: Phát triển thị trường bảo hiểm, Tăng trưởng kinh tế.

Abstract

The research was conducted to determine the relationship between insurance market development and economic growth in Vietnam during 1996 - 2017. By using the Autoregression distribution lag model - ARDL, the results emphasize a positive impact of insurance market development on economic growth in both short and long term. This result supports the Supply-leading hypothesis (SLH). Besides, the magnitude and speed of the impact of the development of the life insurance market and the non-life insurance market are different. Specifically, the non-life insurance market has more impact on economic growth, however, the change in the life insurance market has an impact on economic growth faster than non-life insurance in the long term.

Keywords: Insurance market development, Economic growth.

1. Giới thiệu

Cùng với lĩnh vực ngân hàng và thị trường chứng khoán phát triển, để kích thích tăng trưởng kinh tế bền vững các quốc gia còn đòi hỏi sự phát triển của thị trường bảo hiểm. Một thị trường bảo hiểm sôi động và cạnh tranh có thể cho phép các nền kinh tế này thúc đẩy tiết kiệm, cung cấp các nguồn đầu tư, hỗ trợ Chính

[1] Trường Đại học Tài chính – Marketing

phủ, giảm gánh nặng của Chính phủ trong việc hỗ trợ chế độ lương hưu cho người dân, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân.

Thị trường bảo hiểm là công cụ hữu ích bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư. Đến nay, bảo hiểm đã và đang bảo vệ cho hầu hết tất cả các loại hình tài sản của mọi thành phần và ngành nghề kinh tế với nhiều loại hình bảo hiểm đa dạng. Có khoảng 80% các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình kinh tế lớn của Nhà nước được các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ về mặt tài chính trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm mà không cần phải sử dụng đến nguồn kinh phí hỗ trợ thiệt hại từ ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm còn là kênh huy động vốn hữu hiệu cho nền kinh tế. Đầu tư trở lại nền kinh tế của ngành bảo hiểm năm 2018 đạt 321.165 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2017 và chiếm 21.83% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 42.648 tỷ đồng; các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 278.517 tỷ đồng, góp phần bổ sung nguồn vốn đầu tư dài hạn ổn định cho nền kinh tế.

Tầm quan trọng của bảo hiểm, giống như các tổ chức tài chính khác như ngân hàng và thị trường chứng khoán, là rất quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững của bất kỳ quốc gia nào. Hiện nay có những nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ của thị trường bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia và khu vực, tuy nhiên kết quả nghiên cứu còn nhiều tranh cãi. Với mục tiêu làm rõ mối quan hệ của thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, từ đó có các chính sách thích hợp nhằm phát triển thị trường bảo hiểm hiệu quả và bền vững từ đó góp phần phát triển kinh tế Việt Nam, nhóm nghiên cứu tiến hành thực hiện nghiên cứu ***"Mối quan hệ giữa phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam"***.

2. Tổng quan các nghiên cứu trước

Giống như phát triển ngân hàng và thị trường chứng khoán, phát triển thị trường bảo hiểm cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra tăng trưởng kinh tế (Cristea et al., 2014; Liu và Lee, 2014; Lee và cộng sự, 2013; Chang và cộng sự, 2013; Han và cộng sự, 2013; Lee và cộng sự, 2012; Pan và cộng sự, 2012; Lee, 2011; Lee và cộng sự, 2010; Webb và cộng sự, 2005; D'Arcy, S và Gorvett, R., 2004; Ward và Zurbruegg, 2000…). Các nghiên cứu xoay quanh chủ đề này có thể được chia thành 3 nhóm: (i) Phát triển thị trường bảo hiểm là nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế; (ii) Tăng trưởng kinh tế là nguyên nhân của phát triển thị trường bảo hiểm; (iii) Có sự tác động qua lại giữa phát triển thị trường bảo hiểm vả tăng trưởng kinh tế.

❖ *Các nghiên cứu tìm thấy phát triển thị trường bảo hiểm là nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế*

Theo giả thuyết "Supply-leading" cho rằng phát triển thị trường tài chính là nguyên nhân dẫn đến tăng trưởng kinh tế. Giả thuyết cho rằng sự phát triển của ngành bảo hiểm (cũng như thị trường ngân hàng và thị trường chứng khoán) tạo điều kiện gia tăng tiết kiệm dưới dạng tài sản tài chính, thúc đẩy hình thành vốn, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Boon (2005) nghiên cứu tác động của ngân hàng, thị trường chứng khoán, bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế tại Singapore giai đoạn 1987-2002 bằng kiểm định nhân quả Granger, kết quả chỉ ra chứng khoán và bảo hiểm tác động tích cực đến tăng

trưởng kinh tế. Tương tự, Lee (2013) nghiên cứu hoạt động của thị trường bảo hiểm nhân thọ đến tăng trưởng kinh tế tại 41 quốc gia giai đoạn 1979-2007, trong đó hoạt động thị trường bảo hiểm nhân thọ được đo bằng phí bảo hiểm thực, kết quả chỉ ra rằng phí bảo hiểm nhân thọ tăng 1% thì tăng trưởng kinh tế tăng 0.06%. Gần đây, Alhassan (2014) nghiên cứu mối quan hệ dài hạn giữa bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế tại Ghana giai đoạn 1990-2010, sử sụng phương pháp ARDL, tác giả tìm thấy tác động tích cực dài hạn của bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế, điều này ngụ ý rằng tăng trưởng bảo hiểm tác động đến tăng trưởng kinh tế.

❖ ***Các nghiên cứu tìm thấy tăng trưởng kinh tế là nguyên nhân của phát triển thị trường bảo hiểm***

Theo giả thuyết "demand-following", cho rằng tăng trưởng kinh tế là nguyên nhân của phát triển thị trường bảo hiểm. Các nhà nghiên cứu giả thuyết này cho thấy rằng sự phát triển của thị trường bảo hiểm chỉ đóng vai trò thứ yếu trong tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của thị trường bảo hiểm chỉ là một kết quả của tăng trưởng kinh tế. Ward và cộng sự (2000) nghiên cứu mối quan hệ ngắn và dài hạn của tăng trưởng kinh tế tại 9 quốc gia OECD và kết quả chỉ ra rằng ở một số quốc gia tăng trưởng kinh tế là nguyên nhân dẫn đến phát triển thị trường bảo hiểm. Tương tự nghiên cứu của Esho (2004) chỉ ra mối tác động tích cực của sự phát triển kinh tế sẽ tác động đến việc tham gia bảo hiểm khi mà thu nhập quốc gia tăng, gia tăng sự bảo vệ của tài sản. Hay nghiên cứu của Guochen (2012) dùng kiểm định nhân quả Granger để kiểm tra mối quan hệ thị trường bảo hiểm (phi nhân thọ, nhân thọ) tại 31 tỉnh của Trung Quốc, tác giả cũng tìm thấy kết quả ủng hộ giả thuyết "demand-following" đó là tăng trưởng kinh tế là nguyên nhân dẫn đến phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ ở quốc gia này.

❖ ***Các nghiên cứu tìm thấy tăng trưởng kinh tế và phát triển của ngành bảo hiểm có thể bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau***

Theo giả thuyết "Feedback" cho thấy tăng trưởng kinh tế và phát triển thị trường bảo hiểm có thể bổ sung và củng cố lẫn nhau. Các lập luận ủng hộ quan hệ nhân quả hai chiều này là sự phát triển của ngành bảo hiểm là không thể thiếu đối với tăng trưởng kinh tế, vì tăng trưởng kinh tế chắc chắn đòi hỏi một thị trường bảo hiểm phát triển. Kugler and Ofoghi (2005) nghiên cứu tại Anh giai đoạn 1971-1997, tác giả tìm thấy thị trường bảo hiểm đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đây là mối quan hệ nhân quả 2 chiều và dài hạn. Tương tự, Pradhan và cộng sự (2015) nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển thị trường bảo hiểm, tài chính phát triển và tăng trưởng kinh tế tại 34 quốc gia OECD trong giai đoạn 1988-2012. Kết quả chỉ ra rằng phát triển thị trường bảo hiểm và thị trường tài chính là nguyên nhân dài hạn của tăng trưởng kinh tế. Trong ngắn hạn tác động này là qua lại bổ sung cho nhau.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đáp ứng mục tiêu nghiên cứu kiểm định mối quan hệ giữa phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, kế thừa nghiên cứu của Alhassan (2014), nhóm nghiên cứu tiến hành sử dụng mô hình tổng quát sau:

$$Growth_t = \alpha_0 + \alpha_1 IMD_t + \alpha_2 Investment_t + \alpha_3 Inflation_t + \alpha_4 Trade_t + \mu_t \quad (1)$$

Bảng 1. Tóm tắt biến

Biến	Ý nghĩa	Cách tính	Nguồn	Tham khảo nghiên cứu
Growth	Tăng trưởng kinh tế	Log(GDP)	World Bank	Alhassan và Fiador (2014)
IMD: Phát triển thị trường bảo hiểm. Bao gồm 3 biến thành phần				
TIP	Tổng phí toàn thị trường	Log(Tổng phí toàn thị trường/GDP)	Cục quản lý và giám sát bảo hiểm	Alhassan và Fiador (2014)
LIP	Tổng phí bảo hiểm nhân thọ	Log(Tổng phí bảo hiểm nhân thọ/ GDP)	Cục quản lý và giám sát bảo hiểm	Alhassan và Fiador (2014)
NIP	Tổng phí bảo hiểm phi nhân thọ	Log(Tổng phí bảo hiểm phi nhân thọ / GDP)	Cục quản lý và giám sát bảo hiểm	Alhassan và Fiador (2014)
Investment	Đầu tư trong nền kinh tế	Log(Đầu tư vốn cố định/GDP)	World Bank	Alhassan và Fiador (2014), Gujarati (1995)
Inflation	Lạm phát	Log(CPI)	World Bank	Alhassan và Fiador (2014), Gujarati (1995)
Trade	Độ mở thương mại	Log(Xuất khẩu + Nhập khẩu)/GDP	World Bank	Alhassan và Fiador (2014), Gujarati (1995)

Phương pháp thông thường được sử dụng để tìm ra mối quan hệ nhân quả giữa phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế là phương pháp nhân quả Granger (Granger Causality).

Với phương pháp này sẽ có 4 tình huống xảy ra:

- Thứ 1: phù hợp với giả thuyết Supply – leading hypothesis (SLH), cho thấy sự phát triển của ngành bảo hiểm là một điều kiện tiên quyết cần thiết cho tăng trưởng kinh tế.

- Thứ 2: phù hợp với giả thuyết Demand – following hypothesis (DFH), điều này cho thấy mối quan hệ nhân quả đi từ tăng trưởng kinh tế đến sự phát triển của ngành bảo hiểm.

- Thứ 3: phù hợp với giả thuyết Feedback hypothesis (FBH), cho thấy tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của ngành bảo hiểm có thể bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, để cả hai cùng phát triển.

- Thứ 4: phù hợp với giả thuyết neutrality hypothesis (NLH), cho thấy sự phát triển của ngành bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế là độc lập với nhau.

Phương pháp Granger Causality chỉ cho kết quả đúng khi các chuỗi dữ liệu sử dụng trong kiểm định đều là chuỗi dừng (I(0)). Tuy nhiên, Granger (1988) đã chỉ ra rằng kết quả sẽ có sự sai lệch nếu các chuỗi thời gian không dừng và có đồng liên kết. Phương pháp thích hợp để khắc phục nhược điểm trên là sử dụng mô hình hiệu chỉnh sai số - Error Correction Model (ECM).

$$\Delta GROWTH_t = \mu + \theta(GROWTH_{t-1} - \alpha - \beta IMD_{t-1}) + \sum_{i-1}^{m} \alpha_i \Delta IMD_{t-i} + \sum_{j-1}^{n} \beta_i \Delta GROWTH_{t-j} + U_t \quad (2)$$

$$\Delta IMD_t = \mu + \tau(GROWTH_{t-1} - \gamma - \delta IMD_{t-1}) + \sum_{i-1}^{m} \gamma_i \Delta IMD_{t-i} + \sum_{j-1}^{n} \delta_i \Delta GROWTH_{t-j} + U_t \quad (3)$$

Do đó, để lựa chọn phương pháp phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành trình tự như sau:

Thứ nhất, Kiểm định nghiệm đơn vị của các chuỗi thời gian. Nhóm tác giả sử dụng kiểm định Dickey-Fuller (Dickey & Fuller, 1979) để kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu. Với giả thuyết H_0: chuỗi dữ liệu không có tính dừng. Nếu giả thuyết H_0 bị bác bỏ thì chuỗi dữ liệu có tính dừng và ngược lại.

Thứ hai, Xác định cấu trúc độ trễ tối ưu thông qua các tiêu chuẩn AIC, HQIC và SBIC. Giá trị của các hệ số này càng lớn chứng tỏ mô hình càng phù hợp.

Thứ ba, Kiểm định đồng liên kết của các chuỗi dữ liệu. Sử dụng phương pháp kiểm định đường bao (bound test) để kiểm định đồng liên kết giữa các chuỗi dữ liệu, phương pháp này được đề xuất bởi Pesaran và các cộng sự (2001). Với giả thuyết H_0: không có mối quan hệ đồng liên kết giữa các chuỗi dữ liệu. Bên cạnh đó, nhóm tác giả sử dụng kiểm định Johansen để đảm bảo tính vững cho kết quả.

Với kết quả kiểm định tính dừng, kiểm định đồng liên kết (trình bày trong phần 4) và đặc điểm mẫu dữ liệu nghiên cứu nhỏ, nhóm tác giả xác định sử dụng mô hình VECM để kiểm định nhân quả Granger và sử dụng mô hình ARDL để kiểm định mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn của phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

4. Kết quả và thảo luận

Bảng 2. Mô tả thống kê

Biến	Mean	Median	Min	Max	SD	Skewness	Kurtosis
Growth	0.138	0.135	0.063	0.259	0.056	0.911	3.006
TIP	0.012	0.014	0.004	0.021	0.005	-0.440	2.377
LIP	0.006	0.007	3.2e-06	0.013	0.004	-0.316	2.325
NIP	0.006	0.006	0.004	0.008	0.002	-0.312	1.784
Investment	31.111	29.681	26.578	39.566	4.079	0.489	1.907
Inflation	0.059	0.052	-0.018	0.207	0.053	1.202	4.659
Trade	1.394	1.365	0.927	2.004	0.309	0.122	2.046

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Trong giai đoạn 1996-2017, tính trung bình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam đạt 13.8%, trong đó, có những năm tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất xấp xỉ 26%, tuy nhiên, cũng có những năm tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 6%, kết quả này là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008 đã ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế những năm

sau đó. Nhìn chung, thị trường bảo hiểm đóng góp khá nhỏ vào GDP cả nước, trung bình chỉ chiếm 1.2% tổng GDP. Những năm đầu giai đoạn nghiên cứu (1996-1999), toàn thị trường bảo hiểm chỉ đóng góp 0.4% GDP, đến năm 2000, khi Luật kinh doanh bảo hiểm được ban hành, thị trường bảo hiểm có hành lang pháp lý vững chắc do đó có điều kiện để phát triển hơn, đóng góp của thị trường bảo hiểm vào GDP cũng gia tăng. Đến năm 2017, đóng góp toàn thị trường bảo hiểm vào GDP đạt 2.1%.

Tiếp theo, nhóm tác giả tiến hành kiểm định mối quan hệ giữa phát triển thị trường bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế. Đầu tiên, nhóm tác giả thực hiện kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu.

Bảng 3. Kiểm định tính dừng

Biến	I(0)	I(1)
Growth	-2.326	-4.981***
TIP	-1.275	-3.559***
LIP	-3.714***	
NIP	-0.524	-4.029***
Investment	-1.020	-3.559***
Inflation	0.334	-2.083***
Trade	-0.545	-5.992***

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Kết quả kiểm định Dickey-Fuller cho thấy dữ liệu phí bảo hiểm nhân thọ dừng ở chuỗi dữ liệu gốc với mức ý nghĩa 1%. Trong khi đó, các chuỗi dữ liệu còn lại dừng ở sai phân bậc 1 với mức ý nghĩa 1%. Do vậy, các chuỗi dữ liệu này phù hợp để đưa vào phân tích theo mô hình ARDL.

Bước tiếp theo, nhóm tác giả tiến hành xác định độ trễ tối ưu cho các biến nghiên cứu.

Bảng 4. Kiểm định độ trễ tối ưu

TIP – Phát triển toàn thị trường bảo hiểm								
Sample: 2001-2017					Number of obs: 17			
lag	LL	LR	df	P	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	34.9623				2.0e-08	-3.52498	-3.50062	-3.29991
1	146.263	222.6	25	0.000	9.3e-13	-13.6779	-13.5318	-12.2076
2	187.604	82.683*	25	0.000	4.0e-13	-15.6005	-15.3325	-12.9084
3	.	.	25		-3.8e-75*	.	.	.
4	2678.58	.	25			-305.713*	-304.713*	-300.961*

LIP - Phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ								
Sample: 2001-2017					Number of obs: 17			
lag	LL	LR	df	p	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	28.9644				4.1e-08	-2.81935	-2.79499	-2.57428
1	140.57	223.21	25	0.000	1.8e-12	-13.0082	-12.862	-11.5378
2	189.372	97.605	25	0.000	3.2e-13	-15.8085	-15.6505	-13.1128
3	1522.67	2666.6	25	0.000	4.3e-77*	-169.725	-169.336	-165.804
4	2721.96	2398.6*	25	0.000		-310.23*	-309.816*	-306.064*

NIP - Phát triển thị trường bảo hiểm phi nhân thọ								
Sample: 2001-2017					Number of obs: 17			
lag	LL	LR	df	p	FPE	AIC	HQIC	SBIC
0	46.8994				5.0e-09	-4.92934	-4.90498	-4.68428
1	155.509	217.22	25	0.000	3.1e-13	-14.7657	-14.6196	-13.2954
2	185	58.982	25	0.000	5.4e-13	-15.2941	-15.0261	-12.5984
3	1479.49	2589	25		6.9e-75*	-164.646	-164.256	-160.725
4	2672.56	2386.1*	25			-304.419*	-304.005*	-300.253*

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Căn cứ vào các chỉ tiêu AIC, HQIC và SBIC, nhóm tác giả chọn độ trễ tối ưu là 4.

Tiếp theo, nhóm tác giả tiến hành kiểm định đồng liên kết. Ở bước này, nhóm tác giả tiến hành cả hai kiểm định Bound-test và Johansen-test để đảm bảo tính vững cho kết quả.

Bảng 5. Kiểm định đồng liên kết

Bound test								
TIP			**LIP**			**NIP**		
F	I(0)	I(1)	F	I(0)	I(1)	F	I(0)	I(1)
7.679	3.895	5.688	7.679	3.895	5.688	21.049	3.895	5.688
Johansen - test								
TIP			**LIP**			**NIP**		
Rank	Trace statistic	Critical value	Rank	Trace statistic	Critical value	Rank	Trace statistic	Critical value
0	97.5886	68.52	0	97.5886	68.52	0	102.3668	68.52
1	53.0692	47.21	1	53.0692	47.21	1	57.4290	47.21
2	23.5766*	29.68	2	23.5766*	29.68	2	32.5914	29.68
3	9.2805	15.41	3	9.2805	15.41	3	14.3072*	15.41

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Với kiểm định Bound-test: Với mức ý nghĩa 5%, kết quả kiểm định cho thấy F lớn hơn giá trị giới hạn đường bao trên được đề xuất bởi Pesaran và các cộng sự (2001). Do đó, tồn tại mối quan hệ đồng liên kết giữa các chuỗi dữ liệu với mức ý nghĩa 5%.

Với kiểm định Johansen-test: tại rank = 2 (TIP và LIP) hoặc rank = 3 (NIP), trace-statistic có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Kết quả này có thấy có mối quan hệ đồng liên kết giữa các chuỗi dữ liệu. Ủng hộ kết quả của Bound-test.

Như vậy, nhóm tác giả xác định sử dụng mô hình VECM để kiểm định nhân quả Granger và sử dụng mô hình ARDL để kiểm định mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn của phát triển thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Bảng 6. Kiểm định nhân quả

H0	Chi-Square	Quyết định
TIP không phải là nguyên nhân của Growth	7.76***	Bác bỏ
LIP không phải là nguyên nhân của Growth	4.05**	Bác bỏ
NIP không phải là nguyên nhân của Growth	6.41**	Bác bỏ
Growth không phải là nguyên nhân của TIP	1.45	Chấp nhận
Growth không phải là nguyên nhân của LIP	0.32	Chấp nhận
Growth không phải là nguyên nhân của NIP	2.05	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Kết quả kiểm định Granger trong mô hình VECM cho thấy phát triển thị trường bảo hiểm là nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế và không có chiều ngược lại. Như vậy, bước tiếp theo, nhóm tác giả tiến hành hồi quy mô hình kiểm định tác động của phát triển thị trường bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam bằng phương pháp ARDL.

Bảng 7. Kết quả hồi quy

BIẾN	*LONG-RUN*			BIẾN	*SHORT-RUN*		
	(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
TIP_t	1.122***			ΔTIP_t	6.923***		
	(0.158)				(1.660)		
LIP_t		0.947***		ΔLIP_t		4.695***	
		(0.0612)				(0.582)	
NIP_t			1.277**	ΔNIP_t			-0.514
			(0.525)				(0.651)
$Invesment_t$	0.778**	0.0461	-0.261	$\Delta Invesment_t$	2.487*	0.153	-0.268
	(0.243)	(0.164)	(0.631)		(1.146)	(0.552)	(0.634)

BIẾN	*LONG-RUN*			BIẾN	*SHORT-RUN*		
	(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
$Inflation_t$	0.209	-0.361**	-1.038**	$\Delta Inflation_t$	0.670	-1.198**	-4.362***
	(0.199)	(0.135)	(0.412)		(0.760)	(0.369)	(1.013)
$Trade_t$	-0.0461	0.828**	0.225	$\Delta Trade_t$	-0.147	2.746**	0.231
	(0.520)	(0.310)	(0.765)		(1.672)	(0.923)	(0.765)
ECM(-1)					-3.197***	-3.316***	-1.026***
					(0.840)	(0.449)	(0.138)
R-squared					0.871	0.953	0.909
White's test					0,3856	0,3856	0,3946
Breusch-Godfrey LM test					0,5618	0, 1040	0, 9082

, ** và * có ý nghĩa tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%.*

Nguồn: Kết quả từ chạy Stata 14.0

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Kiểm định White cho thấy mô hình nghiên cứu không có hiện tượng phương sai của sai số thay đổi. Đồng thời, kiểm định Breusch-Godfrey LM cho thấy mô hình nghiên cứu không có hiện tượng tự tương quan. Ngoài ra, kết quả kiểm định sự ổn định của mô hình cho thấy tổng tích lũy phần dư và bình phương tổng tích lũy phần dư đều nằm trong dải tiêu chuẩn với mức ý nghĩa 5%. Vậy, mô hình nghiên cứu có tính ổn định và phù hợp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy phát triển thị trường bảo hiểm có tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế. Hệ số hồi quy của các biến đại diện cho thị trường bảo hiểm TIP, LIP và NIP lần lượt bằng 1.122; 0.947 và 1.277 (có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và 5%) có nghĩa là sự gia tăng 1% trong tổng phí bảo hiểm toàn thị trường (phí bảo hiểm nhân thọ/phí bảo hiểm phi nhân thọ) sẽ dẫn đến thúc đẩy tăng tưởng kinh tế thêm 0.01122% (0.00947%/0.01277%). Kết quả này ngụ ý rằng thông qua chức năng huy động tiết kiệm và hoán chuyển rủi ro, phát triển thị trường bảo hiểm kích thích tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Kết quả này phù hợp với kết quả của Alhassan (2014), tác giả này cũng tìm thấy tác động tích cực của phát triển thị trường bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn thông qua việc tích lũy vốn. Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn nhận thấy thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có tác động nhiều hơn đối với tăng trưởng kinh tế so với thị trường bảo hiểm nhân thọ (thể hiện qua hệ số hồi quy biến NIP = 1.277 lớn hơn LIP = 0.947). Kết quả này là do ở Việt Nam, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ xuất hiện đầu tiên và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành đều chiếm thị phần khá ổn định, do đó, tổng doanh thu phí từ thị trường bảo hiểm phi nhân thọ luôn duy trì mức tăng trưởng đều và đóng góp vào GDP ổn định hơn so với thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Bên cạnh đó, nhóm tác giả còn tìm thấy tác động cùng chiều của đầu tư trong nền kinh tế,

độ mở thương mại và tác động ngược chiều của lạm phát đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Gujarati (1995) và Alhassan (2014) khi cho rằng đầu tư và độ mở thương mại gia tăng kích thích tăng trưởng thông qua việc mở rộng thị trường, phân công lao động được cải thiện và năng suất tăng. Đối với lạm phát, khi gia tăng sẽ tác động làm giảm tổng cầu, từ đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Phù hợp với kết quả trong dài hạn, trong ngắn hạn phát triển thị trường bảo hiểm cũng có tác động cùng chiều với tăng trưởng kinh tế (trừ thị trường bảo hiểm phi nhân thọ). Đối với các biến kiểm soát, nhóm tác giả cũng tìm thấy tác động tương tự trong dài hạn. Các hệ số ECM(-1) đều âm và có ý nghĩa ở mức 1%. Điều này cho thấy khi tăng trưởng kinh tế vượt mức, hệ số điều chỉnh âm sẽ kéo tăng trưởng về mức cân bằng trong dài hạn. Tuy nhiên, sự hội tụ trong mô hình phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ (3.3316) nhanh hơn so với mô hình bảo hiểm phi nhân thọ (1.026). Điều này chỉ ra rằng phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ sẽ tác động đến tăng trưởng kinh tế nhanh hơn so với bảo hiểm phi nhân thọ trong dài hạn.

5. Kết luận

Bài nghiên cứu ủng hộ giả thuyết Suppy-leading cho thấy sự phát triển của ngành bảo hiểm là một yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cụ thể bài nghiên cứu tìm thấy tác động tích cực của phát triển thị trường bảo hiểm đến tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cho thấy thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có tác động đến tăng trưởng kinh tế nhiều hơn so với thị trường bảo hiểm nhân thọ trong dài hạn. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm nhân thọ lại tác động nhanh hơn đến tăng trưởng kinh tế so với thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Như vậy, đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đều đóng vai trò hết sức quan trọng.

Tài liệu tham khảo

Alhassan, A. L., & Fiador, V. (2014). Insurance-growth nexus in Ghana: An autoregressive distributed lag bounds cointegration approach. *Review of Development Finance*, *4*(2), 83-96.

Boon, T. K. (2005). Do Commercial banks, stock market and insurance market promote economic growth? An analysis of the Singapore Economy. *Nanyang Technological University*.

Chang, T., Cheng, S. C., Pan, G., & Wu, T. P. (2013). Does globalization affect the insurance markets? Bootstrap panel Granger causality test. *Economic Modelling*, *33*, 254-260.

Cristea, M., Marcu, N., & Cârstina, S. (2014). The relationship between insurance and economic growth in Romania compared to the main results in Europe–a theoretical and empirical analysis. *Procedia.*

D'Arcy, S., Gorvett, R., 2004. The use of dynamic financial analysis to determine whether an optimal growth rate exists for a property-liability insurer. *Journal of Risk and Insurance, 71 (4): 583-616.*

Dickey, D. A., & Fuller, W. A. (1979). Distribution of the estimators for autoregressive time series with a unit root. *Journal of the American statistical association*, *74*(366a), 427-431.

Economics and Finance, *8*, 226-235. Liu, G. C., & Lee, C. C. (2014). Insurance activities and banking credit causal nexus: evidence from China. *Applied Economics Letters*, *21*(9), 626-630.

Esho, N., Kirievsky, A., Ward, D., & Zurbruegg, R. (2004). Law and the determinants of property□casualty insurance. *Journal of risk and Insurance*, *71*(2), 265-283.

Granger, C. W. (1988). Some recent development in a concept of causality. *Journal of econometrics*, *39*(1-2), 199-211.

Gujarati, D., 1995. Basic Econometrics. Mcgraw-Hill, New York.

Guochen, P., Wei, S.C., 2012. The relationship between insurance development and economic growth: A cross-region study for China. *China International Conference on Insurance and Risk Management, July 18-21,2012, Qingdao, China.*

Han, L., Li, D., Moshirian, F., Tian, Y., 2010. Insurance development and economic growth. Geneva Papers 35, 183–199, http://dx.doi.org/10.1057/ gpp.2010.4

Johansen, S. (1988). Statistical analysis of cointegration vectors. *Journal of economic dynamics and control*, *12*(2-3), 231-254.

Kugler, M., & Ofoghi, R. (2005, September). Does insurance promote economic growth? Evidence from the UK. In *Money Macro and Finance (MMF) Research Group Conference* (Vol. 8).

Lee, C. C., Huang, W. L., & Yin, C. H. (2013). The dynamic interactions among the stock, bond and insurance markets. *The North American Journal of Economics and Finance*, *26*, 28-52.

Lee, C. C, Lee, C. C. and Chiu, Y. B. (2013). The Link between Life Insurance Activities and Economic Growth: Some New Evidence. *Journal of International Money and Finance, Vol. 32, No. 3, pp. 405-427.*

Lee, C. C. (2011). Does Insurance Matter for Growth: Empirical Evidence from OECD Countries. *The B. E. Journal of Macroeconomics, Vol. 11, No. 1, pp. 1-26*.

Lee, C. C. and Chiu, Y.B. (2012). The Impact of Real Income on Insurance Penetration: Evidence from Panel Data. *International Review of Economics and Finance, Vol. 21, No. 1, pp. 246-260.*

Lee, S. J., Kwon, S. I., Chung, S.Y. (2010). Determinants of Household Demand for Insurance: The Case of Korea. *Geneva Papers on Risk and Insurance: Issues and Practice, Vol. 35, No. 1, pp. 82-91.*

Liu, G. C. and Lee, C. C. (2014). Insurance Activities and Banking Credit Causal Nexus: Evidence from China. *Applied Economics Letters, Vol. 21, No. 9, pp. 626-630*.

Pan, G., & Su, C. (2012, July). The relationship between insurance development and economic growth: a cross-region study for China. In *China International Conference on Insurance and Risk Management*.

Pesaran, M.H., Shin, Y., Smith, R.J., 2001. Bounds testing approaches to the analysis of level relationships. *J. Appl. Econ. 16, 289–326.*

Pradhan, R.P., Arvin, M. B., Norman, N.R., 2015. Insurance development and the finance-growth nexus*: Evidence from 34 OECD countries. Journal of Multinational Financial Management, 31 (1):1-22.*

Ward, D. and Zurbruegg, R. (2000). Does Insurance Promote Economic Growth? Evidence from OECD Countries. *Journal of Risk and Insurance, Vol. 67, No. 4, pp. 489-506.*